

Số: 74/2023/QĐST-HNGĐ

Đơn Dương, ngày 20 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Thiều Thị Bảo Y, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Vũ Hiệp N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn S, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/4/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thiều Thị Bảo Y và ông Vũ Hiệp N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Thiều Thị Bảo Y và bị đơn ông Vũ Hiệp N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các bên thoả thuận giao 02 con chung là Vũ Uy V, sinh ngày 22/10/2012 và Vũ Đại T, sinh ngày 16/7/2018 cho bà Thiều Thị Bảo Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; ông Vũ Hiệp N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ/ tháng (5.000.000đ/ 01 con/ 01 tháng) thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2023 cho đến khi các con chung thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung: Các bên xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Các bên xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí: Bà Thiều Thị Bảo Y thỏa thuận chịu 150.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009175 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014./.

**THẨM PHÁN**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Ka Đơn, huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**Võ Thành Luân**